TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2025
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quãng Thanh Trung

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Nhân
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quí, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thúy L, sinh năm 1983, có mặt.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1984, vắng mặt không có lý do.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thúy L trình bày:

Vào năm 2019, chị và chồng tên Nguyễn Văn L1 do quen biết đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2019. Sau khi cưới nhau vợ chồng sinh sống tại ấp Đ, xã Đ, huyện D. Quá trình chung sống vợ chồng không có con

chung. Thời gian đầu cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn L1 luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh L1 cũng không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thúy L giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Huỳnh Thúy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1; về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị Huỳnh Thúy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất: Không có.

Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:

- Nguyên đơn chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1; không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh L1 vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị L khởi kiện anh L1 yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con, tài sản và nợ chung. Anh L1 không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh L1 có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L có mặt; bị đơn anh L1 dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L1 theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thúy L:

[3.1] Về hôn nhân: Chị L và anh L1 xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2019. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị L và anh L1 đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị L và anh L1 là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị L khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc hằng ngày. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm để cùng nhau đoàn tụ.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị L và anh L1 chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; đáng lẽ khi mâu thuẫn xảy ra anh chị phải ngồi lại tìm phương án để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt, không có biện pháp hàn gắn, không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện và cho anh chị có thêm thời gian để hàn gắn lại, tuy nhiên anh L1 đều vắng mặt, chị L kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh L1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị L và anh L1 không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh L1 không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thúy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thúy L phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng chị L đã nộp theo biên lai số 0014459 ngày 21 tháng 11 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải thu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quãng Thanh Trung